

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 98/2004/QĐ-TTg ngày 01/6/2004 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Điều lệ quản lý quy hoạch đô thị ban hành kèm theo Nghị định số 91/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 43/TT-UB ngày 03 tháng 9 năm 2003 và của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 05/TTr-BXD ngày 25 tháng 02 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch

Phạm vi điều chỉnh quy hoạch gồm: khu vực hiện có (gồm 16 phường và 4 xã ngoại thị, diện tích 21.644 ha), khu vực dự kiến mở rộng về phía Tây (khu vực

Long Mỹ thuộc xã Phước Mỹ, huyện Tuy Phước, diện tích khoảng 6.942 ha) và khu vực dự kiến phát triển khu kinh tế Nhơn Hội (diện tích khoảng 12.000 ha, trong đó có 7.113 ha thuộc phạm vi thành phố và 4.887 ha là khu vực dự kiến phát triển tại các huyện Phù Cát và Tuy Phước). Toàn thành phố đến năm 2020 có tổng diện tích 33.473 ha, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp các huyện Tuy Phước và Phù Cát.

- Phía Tây giáp huyện Tuy Phước.

- Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên.

- Phía Đông giáp biển Đông.

2. Về tính chất

- Thành phố Quy Nhơn là tỉnh lỵ, trung tâm chính trị kinh tế văn hóa và khoa học kỹ thuật của tỉnh Bình Định.

- Là đô thị thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là một trong những trung tâm công nghiệp, dịch vụ cảng, thương mại, du lịch, giáo dục đào tạo của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Là đầu mối giao thông thủy, bộ quan trọng của vùng Nam Trung Bộ, là cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông.

- Có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

3. Quy mô dân số

- Đến năm 2010, dân số toàn thành phố khoảng 350.000 người; trong đó dân số nội thị khoảng 320.000 người, dân số ngoại thị khoảng 30.000 người;

- Đến năm 2020, dân số toàn thành phố khoảng 500.000 người; trong đó dân số nội thị khoảng 450.000 người, dân số ngoại thị khoảng 50.000 người.

4. Quy mô đất đai

a) Đến năm 2010, diện tích toàn thành phố khoảng 28.586 ha, trong đó:

- Đất nội thị 15.011 ha, gồm:

+ Đất xây dựng đô thị 4.130 ha, bình quân 125 m²/người, trong đó đất dân dụng 2.880 ha (gồm đất phục vụ trong đô thị 2.490 ha, đất phục vụ ngoài đô thị 390 ha); đất ngoài dân dụng 1.250 ha, bình quân 30 m²/người (trong đó đất công nghiệp: 670 ha);

+ Đất khác trong nội thị 10.881 ha.

- Đất ngoại thị 13.575 ha.

b) Đến năm 2020, diện tích toàn thành phố 33.473 ha, trong đó:

- Đất nội thị 16.531 ha, gồm:

+ Đất xây dựng đô thị 6.000 ha, bình quân 133 m²/người, trong đó đất dân dụng 3.600 ha (gồm đất phục vụ trong đô thị 3.150 ha, đất phục vụ ngoài đô thị 450 ha); đất ngoài dân dụng 2.400 ha, bình quân 45 m²/người (trong đó đất công nghiệp 1.250 ha);

+ Đất khác trong nội thị 10.531 ha.

- Đất ngoại thị 12.055 ha.

- Đất dự kiến mở rộng thành phố về phía Bắc (một phần huyện Phù Cát và huyện Tuy Phước) khoảng 4.887 ha.

5. Định hướng tổ chức không gian

5.1. Cơ cấu sử dụng đất và phân vùng chức năng

5.1.1. Đất khu dân dụng:

a) Các khu ở:

Hình thành các khu đô thị: khu đô thị trung tâm (khu cũ), khu đô thị phía Bắc, khu đô thị phía Tây và khu đô thị Nhơn Hội - bán đảo Phương Mai, cụ thể như sau:

- Khu đô thị trung tâm (khu cũ) gồm 12 phường:

+ Đến năm 2010, dân số khoảng 210.000 người, diện tích đất 630 ha;

+ Đến năm 2020 dân số khoảng 220.000 người, diện tích đất 660 ha;

Hạn chế xây dựng các công trình mới, chủ yếu cải tạo, chỉnh trang các khu vực xây dựng cũ, mật độ xây dựng 30%, tầng cao trung bình 3 tầng. Hoàn thiện và mở rộng về hướng Quy Hòa, dọc tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, chủ yếu để phát triển du lịch.

- Khu đô thị phía Bắc gồm các phường Nhơn Bình, Nhơn Phú và khu Bắc sông Hà Thanh.

+ Đến năm 2010 khoảng 55.000 người, diện tích 192,5 ha;

+ Đến năm 2020 khoảng 130.000 người, diện tích 455 ha;

Chủ yếu xây dựng nhà vườn, biệt thự, tầng cao trung bình 2 tầng, mật độ xây dựng 25 - 30%, bình quân 35 m²/người.

- Khu đô thị phía Tây gồm các phường Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu và khu mở rộng Long Mỹ.

+ Đến năm 2010 dân số khoảng 55.000 người, diện tích 192,5 ha;

+ Đến năm 2020 dân số khoảng 95.000 người, diện tích 430 ha.

Tiêu chuẩn đất ở bình quân 45 m²/người, mật độ xây dựng 25 - 30%, tầng cao trung bình 2 tầng

- Khu đô thị Nhơn Hội (thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội - bán đảo Phương Mai): được xây dựng thành khu đô thị mới, phục vụ phát triển công nghiệp và du lịch.

+ Đến năm 2010 dân số khoảng 30.000 người, diện tích 152 ha;

+ Đến năm 2020 dân số khoảng 50.000 người, diện tích 255 ha;

Chủ yếu xây dựng nhà vườn, bình quân 51 m²/người, mật độ xây dựng 25 - 30%, tầng cao trung bình 2 tầng.

b) Hệ thống các trung tâm

Tổng diện tích 315 ha, bình quân 7 m²/người.

- Trung tâm hành chính, chính trị tập

trung chủ yếu tại phường Lê Lợi, quy mô 15 ha.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ cấp đô thị và cấp vùng gồm các văn phòng đại diện, ngân hàng, tài chính, các khách sạn cao tầng, siêu thị trung tâm,... bố trí trên đường Nguyễn Tất Thành (khu sân bay cũ), quy mô 45 ha.

- Các khu cơ quan không thuộc đô thị quy mô 125 ha.

c) Các trung tâm chuyên ngành

Diện tích 185 ha gồm: các cơ quan không thuộc đô thị quy mô 125 ha, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề giữ nguyên hiện trạng và sẽ phát triển mở rộng trên đường Quy Nhơn - Sông Cầu hoặc ở phường Trần Quang Diệu quy mô 60 ha

d) Các khu công viên, cây xanh thể dục thể thao, lâm viên

- Khu cây xanh công viên đô thị diện tích 495 ha gồm:

+ Công viên Phú Hòa diện tích 149 ha: là công viên văn hóa, thể dục thể thao và vui chơi giải trí;

+ Công viên rừng sinh thái Bà Hỏa diện tích 260 ha;

+ Công viên ven biển kết hợp trung tâm thương mại, dịch vụ diện tích 36 ha;

+ Công viên vui chơi giải trí Hà Thanh ven sông Hà Thanh diện tích 50 ha;

- Khu cây xanh sinh thái và lâm viên diện tích 300 ha, gồm:

+ Công viên Nhơn Lý diện tích 200 ha, là công viên văn hóa, nghỉ ngơi phục vụ khu du lịch Núi Bà, Nhơn Lý;

+ Công viên Bầu Lác diện tích 100 ha, phục vụ khu vực các phường Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu;

- Khu vực núi Phương Mai, Vũng Chúa được xây dựng thành các lâm viên phục vụ du lịch sinh thái.

5.1.2. Đất ngoài khu dân dụng

a) Các khu công nghiệp

Đến năm 2020 có diện tích 1.250 ha, gồm:

- Các khu công nghiệp tập trung: khu công nghiệp Phú Tài diện tích 330 ha; khu công nghiệp Nhơn Hội diện tích khoảng 600 - 700 ha gắn với cảng Nhơn Hội được bố trí để xây dựng khu công nghệ cao, công nghiệp phục vụ cảng và du lịch; khu công nghiệp Long Mỹ diện tích khoảng 250 ha được bố trí để xây dựng công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, cơ khí phục vụ nông nghiệp,...;

- Các cụm công nghiệp nhỏ như: khu chế biến thủy sản phía Bắc diện tích 15 - 20 ha; cụm tiểu, thủ công nghiệp phường Quang Trung, diện tích 50 - 100 ha;

- Nhà máy phong điện bố trí ở phía Đông - Bắc Nhơn Hội diện tích 50 - 100 ha;

- Các nhà máy, xí nghiệp gây ô nhiễm môi trường phải di chuyển ra khỏi thành phố.

b) Đất kho tàng

Đến năm 2020 có diện tích 190 ha gồm kho phục vụ các cảng Nhơn Hội, Quy Nhơn, Thị Nại. Các kho bom đạn, xăng dầu của quân đội và kho của các ngành nếu bố trí không hợp lý cần có biện pháp di dời ra ngoài thành phố.

c) Đất xây dựng cảng

- Cảng Quy Nhơn hiện hữu là cảng tổng hợp và container được đầu tư nâng cấp mở rộng có công suất đạt khoảng 3 triệu tấn/năm; quy mô diện tích đất 25 ha.

- Cảng Thị Nại hiện hữu là cảng tổng hợp địa phương được cải tạo, nâng cấp đạt khoảng 0,5 - 0,6 triệu tấn/năm, quy mô diện tích đất 4 ha.

- Cảng Nhơn Hội (phía Đông đầm Thị Nại) là cảng tổng hợp và container, được xây dựng mới, có công suất đạt khoảng 11 triệu tấn/năm, quy mô diện tích đất khoảng 90 ha.

d) Các công trình đầu mối, khu vực xử lý rác và nghĩa địa

Có quy mô diện tích là 216 ha.

5.2. Quy hoạch kiến trúc và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên

- Khu đô thị trung tâm (đô thị cũ) cần mang đậm nét của phong cách kiến trúc thành phố ven biển với những trục không gian chủ đạo hướng ra biển.

- Khu phía Bắc (Nhơn Bình - Nhơn Phú) cần thể hiện rõ là khu vực mang

đặc trưng sinh thái của sông, biển. Không gian đặc trưng là không gian của các loại nhà vườn, biệt thự kết hợp với các khu cây xanh và du lịch sinh thái.

- Khu phía Tây (khu Phú Tài thuộc phường Trần Quang Diệu, phường Bùi Thị Xuân) là khu vực tập trung các xí nghiệp công nghiệp, không gian kiến trúc phù hợp là sự kết hợp các khu ở chung cư cao tầng hiện đại với các khu cây xanh và các xí nghiệp công nghiệp sạch ít gây ô nhiễm.

- Khu Nhơn Hội - bán đảo Phương Mai là khu vực xây dựng mới có cơ cấu và hình thái phát triển không gian thành phố vườn, với những trục không gian chủ đạo hướng ra đầm Thị Nại.

6. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

6.1. Về giao thông

6.1.1. Giao thông đối ngoại

a) Đường sắt

Khai thác tuyến đường sắt trong nội thành và ga Quy Nhơn đến năm 2005; sau năm 2005 di dời ra ngoài thành phố và tổ chức tuyến nhánh vào cảng Quy Nhơn; tại Nhơn Bình xây dựng ga tiền cảng kết hợp tách ray.

b) Đường bộ

- Tuyến quốc lộ 1A và 1D đi qua thành phố vừa là đường giao thông đối ngoại vừa là đường chính đô thị; lộ giới 30 - 40 m, chiều dài 25 km.

- Xây dựng quốc lộ 19 kéo dài về phía Đông qua thị trấn Tuy Phước chia làm hai nhánh: quốc lộ 19A đến cảng Quy Nhơn, quốc lộ 19B đến cảng Nhơn Hội; lộ giới 60 m, chiều dài 9,5 km. Tuyến cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội (qua đầm Thị Nại) có chiều dài khoảng 7 km, trong đó tuyến cầu chính dài khoảng 2,5 km và 5 cầu nhỏ đi qua các đảo nhỏ phía Bắc sông Hà Thanh dài khoảng 700 m, khổ cầu 15 m.

- Xây dựng hoàn chỉnh bến xe khách trung tâm ở phía Nam thành phố, diện tích 4,3 ha theo dự án được duyệt; cải tạo, mở rộng bến xe Nhơn Bình ở phía Bắc thành bến xe nội tỉnh, diện tích 1,5 ha; xây dựng hai bến xe tại Diêu Trì và khu đô thị Phương Mai với tổng diện tích 3 - 4 ha.

c) Đường thủy

- Cảng Quy Nhơn công suất đến năm 2020 là 4,0 triệu tấn/năm, có quy mô chiếm đất 25 ha.

- Cảng Nhơn Hội công suất đến năm 2020 là 11,5 - 12,0 triệu tấn/năm, có quy mô chiếm đất 90 ha.

- Cảng Thị Nại công suất đến năm 2020 là 0,8 triệu tấn/năm, có quy mô chiếm đất 4 ha.

6.1.2. Giao thông đô thị

- Đường trục chính và đường khu vực có tổng chiều dài 279,8 km, mật độ đường 4,7 km/km². Diện tích đất giao thông đô thị 540 ha, bình quân 12 m²/người.

- Các tuyến giao thông chính nối khu đô thị cũ và khu vực mới phát triển tại bán đảo Phương Mai gồm: tuyến Suối Trầu qua Vững Chua, có lộ giới 20 m tổ chức đường hầm qua núi dài 1.200 m; đường Điện Biên Phủ và đường Nhơn Bình phía Tây núi Bà Hỏa, có lộ giới 60 m; tuyến Quy Nhơn - Nhơn Hội nối với đường Nguyễn Tất Thành có lộ giới 40 m.

- Mạng lưới đường nội thị: cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tại khu đô thị cũ; ở khu vực đô thị mới phát triển xây dựng hệ thống các tuyến đường gồm đường chính cấp 1 có lộ giới từ 40 - 60 m, đường chính cấp 2 có lộ giới từ 30 - 35 m, đường liên khu vực có lộ giới từ 24 - 28 m, đường khu vực có lộ giới từ 15 - 20 m.

6.2. Về san nền, thoát nước

6.2.1. San nền

a) Đối với khu thành phố cũ có cao độ nền xây dựng từ 3,0 m trở lên, trong đó:

- Khu vực công viên có cao độ xây dựng từ 2,5 m trở lên;

- Khu vực phường Bùi Thị Xuân, phường Trần Quang Diệu có cao độ nền xây dựng từ 4,5 m trở lên;

- Đối với các công trình xây dựng ven sườn núi Vững Chua, núi Hòn Chà, chỉ san nền cục bộ cho từng công trình, không san gạt lớn tránh xói lở.

b) Đối với khu vực bán đảo Phương Mai

- Có cao độ nền xây dựng từ 3,5 m trở lên;

- Ven sườn núi Phương Mai, công viên, khi xây dựng nên các công trình chỉ san cục bộ không san gạt lớn;

- Những khu vực ven sông, suối chỉ được phép trồng cây xanh, không xây dựng các công trình gần bờ sông (theo chỉ giới bảo vệ bờ sông từ 30 m đến 50 m).

6.2.2. Thoát nước mưa

- Khu vực thành phố cũ dùng hệ thống thoát nước chung, cuối miệng xả có cống bao.

- Khu vực xây dựng mới chọn hệ thống thoát nước mưa riêng.

6.3. Về cấp nước

a) Nguồn nước

Sử dụng nước ngầm tại bãi giếng sông Hà Thanh (công suất 20.000 m³/n.đ), bãi giếng Tân An - sông Côn (công suất 25.000 m³/n.đ), bãi giếng Thế Thạnh (công suất 8.500 m³/n.đ) và nguồn nước mặt hồ Định Bình - sông Côn (công suất 100.000 m³/n.đ) dự kiến vị trí lấy nước tại thị trấn Đập Đá - thị trấn An Nhơn.

b) Tổng nhu cầu sử dụng nước

- Đến năm 2010: 63.500 m³/n.đ;

- Đến năm 2020: 160.000 m³/n.đ.

c) Tiêu chuẩn cấp nước

- Cấp cho đô thị: Đợt đầu (2010) đạt tiêu chuẩn 110 l/người.nđ;

Dài hạn (2020) đạt tiêu chuẩn 150 l/người.nđ;

- Cấp nước công nghiệp: 40 m³/ha.nđ;
- Cấp nước cho du lịch: 300 l/người.nđ.

6.4. Về cấp điện

a) Nguồn điện

- Sử dụng từ lưới điện quốc gia 220KV và 110 KV thông qua các trạm biến áp của tỉnh.

- Xây dựng nhà máy phong điện tại Nhon Hội công suất dự kiến từ 15 - 30 MW, là nguồn điện tại chỗ cung cấp cho thành phố và hòa vào lưới điện quốc gia.

b) Tổng nhu cầu sử dụng điện

- Đến năm 2010: 190.186 KW.

- Đến năm 2020: 326.315 KW.

c) Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt

- Đến năm 2010: khu vực nội thị 700 KWh/người.năm;

- Đến năm 2020: khu vực nội thị 1.500 KWh/người.năm.

6.5. Về thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Sử dụng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung với hệ thống thoát nước mưa đối với khu vực thành phố cũ (phía Bắc, Đông và Đông Nam núi Bà Hỏa). Các khu vực còn lại sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng;

- Khu vực bán đảo Phương Mai: xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng;

- Nước thải bệnh viện sẽ được xử lý

riêng cho từng bệnh viện đạt yêu cầu vệ sinh trước khi xả vào hệ thống chung;

- Nước thải công nghiệp được xử lý riêng tại các trạm xử lý nước thải của từng khu công nghiệp trước khi xả vào hệ thống chung;

- Xây dựng 2 khu xử lý chất thải rắn tại Long Mỹ có quy mô 11,5 ha và khu vực phía Tây núi Bà có quy mô khoảng 4 ha;

- Nghĩa trang nhân dân: một khu tại phường Bùi Thị Xuân (chân núi Hòn Chè) quy mô 21 ha và xây dựng khu mới ở phía Tây núi Bà, quy mô 3 ha.

7. Quy hoạch giai đoạn đợt đầu 2010

7.1. Đầu tư khai thác, cải tạo khu đô thị cũ

- Đối với các khu ở: quy hoạch cải tạo nhà ở với tầng cao trung bình 1,5 - 2 tầng, mật độ xây dựng 35 - 39%.

- Đối với các công trình công cộng phục vụ đô thị: cải tạo và nâng cấp phù hợp với nhu cầu phát triển.

- Đối với các khu cây xanh, công viên đô thị: tiếp tục được hoàn thiện, chỉnh trang.

- Đối với các khu công nghiệp hiện có: hoàn thiện khu công nghiệp Phú Tài (giai đoạn 1 và 2) quy mô 330 ha và khu tiểu, thủ công nghiệp phường Quang Trung quy mô 20 ha.

- Đối với khu cảng Quy Nhơn: cải tạo và nâng cấp bằng việc xây dựng mới 1

bến tàu 30.000 DWT dài 170 m, quy mô diện tích 25 ha.

7.2. Đầu tư xây dựng các khu mở rộng

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu ở mới, quy mô khoảng 270 ha cho 3 vạn dân. Tập trung tại Phú Tài, Nhơn Bình, Nhơn Phú và Nhơn Hội.

- Xây dựng trung tâm dịch vụ thương mại quy mô 30 ha tại khu sân bay cũ và xây mới một số công trình công cộng như Trung tâm văn hóa tỉnh, Nhà văn hóa công nhân, Bảo tàng tỉnh, khách sạn vv...

- Xây dựng hệ thống các công viên, vườn hoa thành phố bao gồm:

+ Công viên Phú Hòa quy mô 149 ha, là công viên văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi giải trí.

+ Công viên núi Bà Hỏa quy mô 260 ha gắn với công viên Phú Hòa phục vụ cho khu đô thị Phú Tài.

- Quy hoạch, xây dựng đồng bộ khu công nghiệp Nhơn Hội quy mô 250 ha, là khu công nghiệp tổng hợp phục vụ cho phát triển kinh tế của tỉnh bao gồm các ngành nghề cơ khí chế tạo, chế biến, đóng và sửa chữa tàu biển v.v...

- Xây dựng khu công nghiệp phong điện ở bán đảo Phương Mai quy mô 50 - 60 ha.

- Xây dựng cảng Nhơn Hội, phía Tây đầm Thị Nại quy mô 30 ha cho bến tàu 30.000 DWT, công suất khoảng 2,5 triệu tấn/năm.

7.3. Các dự án hạ tầng cơ sở

- Xây dựng quốc lộ 19A vào cảng Quy Nhơn, quốc lộ 19B vào cảng Nhơn Hội.

- Cải tạo mở rộng cảng Quy Nhơn đạt công suất 2,2 triệu tấn/năm; xây dựng cảng Nhơn Hội giai đoạn 1 đạt công suất 1,3 - 2,2 triệu tấn/ năm.

- Xây dựng bến xe khách trung tâm, bến Nhơn Bình, bến Diêu Trì.

- Cải tạo, nâng cấp các đường phố khu vực đô thị cũ.

- Xây dựng mới các tuyến: đường ven biển Xuân Diệu, tuyến cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội, tuyến Nguyễn Tất Thành nối dài, đường Điện Biên Phủ... và một số bãi đỗ xe ở trung tâm thành phố.

- Xây dựng nhà máy nước Quy Nhơn 2 (tại Diêu Trì) công suất 25.000 m³/n.đ; nhà máy nước Phú Tài công suất 1.000 m³/n.đ; 2 trạm bơm tăng áp Nhơn Hội tổng công suất 20.000 m³/n.đ.

- Xây dựng đường dây 220 KV mạch đơn từ Quy Nhơn đi Tuy Hòa, Nha Trang; nâng công suất trạm Phú Tài 220/110 KV lên 2 x 125 MVA; các trạm 110 KV và đường dây 110 KV, lưới điện 22 KV.

7.4. Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng

- Cơ sở hạ tầng khu kinh tế Nhơn Hội;
- Khu công nghiệp Nhơn Hội;

- Cảng Nhơn Hội;
- Khu đô thị mới Nhơn Hội.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

- Phê duyệt hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn đến năm 2020 để làm cơ sở quản lý quy hoạch và triển khai các bước đầu tư xây dựng tiếp theo.

- Ban hành Điều lệ quản lý xây dựng theo điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn đến năm 2020 sau khi có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng.

- Tổ chức công bố điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn đến năm 2020; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có kế hoạch triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số **99/2004/QĐ-TTg** ngày **01/6/2004** về việc thành lập **Tổng công ty Du lịch Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty Du lịch Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, kinh doanh đa ngành, trong đó ngành chính là kinh doanh du lịch, góp phần thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển ngành du lịch đến năm 2010 có tính đến năm 2020 của cả nước.

1. Công ty mẹ - Tổng công ty Du lịch Hà Nội là doanh nghiệp nhà nước, được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty Du lịch Hà Nội và Công ty Hoàng Long, Công ty Du lịch và Thương mại Cổ Loa,